TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 14.8.2016
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh

Các thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Hồng Thu
2. Ông Lê Văn Thường

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định*:** Bà Nguyễn Thị Đức Hạnh - Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa.*

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 41/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 540/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 6n năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố QN bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Chị Trịnh Thị Hoàn G (có mặt)

Đều trú tại số nhà 57 đường N, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

3.Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị Hoàn G đăng ký kết hôn vào ngày 15.5.2007 tại UBND xã P, huyện TP, tỉnh Bình Định do tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc bình thường nhưng khoảng tháng 12.2017 thì phát sinh mâu thuẫn do chị G tự ý rút tiền trong tài khoản mà không hỏi ý kiến anh, sau đó lại tiếp tục rút khoảng 350.000.000 đồng nữa để mua nhà 69/34 THT, thành phố QN. Như vậy, chị G đã không tôn trọng anh mà tự ý quyết định mọi vấn đề liên quan đến

tài sản nên anh không muốn tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nữa, anh không còn tình cảm với chị G nên yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Trịnh Hồng Nh sinh ngày 13.3.2010 và cháu Nguyễn Trịnh Thị Hồng Á sinh ngày 04.5.2008. Các cháu đang sống với vợ chồng, sức khỏe bình thường. Anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Trịnh Thị Hoàn G trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn T và con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị không đồng ý với anh T vì vợ chồng vẫn sống hạnh phúc bình thường, chị có rút tiền trong tài khoản của vợ chồng nhưng để giao dịch làm ăn với mục đích phát triển kinh tế gia đình nhưng không rõ lý do vì sao từ tháng 12.2017 anh T lại tỏ thái độ khó chịu và làm đơn xin ly hôn chị. Chị vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu tòa giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình số 540/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố QN đã xử:

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Trịnh Thị Hoàn G.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 nguyên đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu được ly hôn chị Trịnh Thị Hoàn G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được ly hôn chị Trịnh Thị Hoàn G. Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh và chị G kết hôn năm 2007 do tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đã có với nhau hai con chung. Theo anh T, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ tháng 12 năm 2017 nguyên nhân do chị G tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến tài sản mà không bàn bạc với anh cụ thể là việc chị G tự ý rút tiền trong tài khoản của vợ chồng để mua ngôi nhà 69/34 THT, thành phố QN, chị G đã không tôn trọng anh nên anh yêu cầu được ly hôn chị G. Chị G thừa nhận việc chị có rút tiền trong tài khoản của vợ chồng nhưng mục đích là để giao dịch làm ăn lo cho gia đình. Chị không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ

chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị G chưa đến mức trầm trọng vì chính anh T cũng thừa nhận tại thời điểm anh nộp đơn xin ly hôn chị G anh vẫn còn tình cảm với chị G. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn của anh T yêu cầu được ly hôn chị G là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T yêu cầu được ly hôn chị G mà giữ nguyên án sơ thẩm để anh chị có cơ hội hàn gắn quan hệ vợ chồng.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm về ly hôn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội anh T phải chịu 300.000 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Bác đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn chị Trịnh Thị Hoàn G.

2. Án phí dân sự phúc thẩm về ly hôn: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp theo Biên lai số 0009903 ngày 25.6.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Thường Võ Thị Hồng Thu Hồ Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Định